

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH TÂY NINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/DS-PT
Ngày: 10-01-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Giàu.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình;
Bà Phạm Thị Thuý Trang.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Trần Khánh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2024/TLPT-DS ngày 07/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 586/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 193/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Hoàng Tam T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Hoàng Tam T: Luật sư Du Thị B - Văn phòng L thuộc đoàn luật sư M; có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Thái Huỳnh N, sinh năm 1979 và chị Phan Thị Thanh T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 10, đường Võ Thị Sáu, Khu phố 4, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

Anh Như; có mặt. Chị T1; vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. **Người kháng cáo:** Anh Thái Huỳnh N và chị Phan Thị Thanh T1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2023, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết do anh N thuê mặt bằng của anh T làm bãi chứa kinh doanh san lấp mặt bằng nên anh N, chị T1 có nhiều lần vay tiền của anh T, cụ thể:

Ngày 23/9/2021 Dương lịch (viết tắt là DL), anh T cho vợ chồng anh N vay 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, có giấy nợ do vợ chồng anh N cùng ký. Thời hạn trả nợ được vợ chồng anh N thỏa thuận miệng là 01 tháng sẽ trả.

Ngày 12/12/2021 DL, anh T cho vợ chồng anh N vay 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, có giấy nợ do vợ chồng anh N cùng ký. Thời hạn trả nợ được vợ chồng anh N thỏa thuận miệng là 1 tháng sẽ trả.

Sau đó, anh T có cho vợ chồng anh N mượn thêm 02 lần tổng số tiền mượn là 916.850.000 đồng. Không viết giấy nợ, không tính lãi vì anh N nói mượn vài ngày sẽ trả. Nhưng sau đó, anh N vẫn chưa trả lại tiền cho anh T nên ngày 19/01/2023 DL, anh T có kêu vợ chồng anh N viết giấy nợ đối với khoản tiền này và được hai bên chốt nợ gốc đối với khoản tiền này là 916.850.000 đồng, hẹn ngày 19/3/2023 sẽ trả nợ.

Đối với khoản tiền vay tổng 1.200.000.000 đồng nêu trên gồm 1.000.000.000 đồng ngày 23/9/2021 DL và 200.000.000 đồng ngày 12/12/2021 DL, anh T xác định từ ngày vay vợ chồng anh N có chuyển khoản trả tiền lãi cho anh với tổng số tiền là 594.000.000 đồng và ngưng trả lãi từ tháng 4/2023 cho đến nay. Sau đó vợ chồng anh N tiếp tục hẹn đến ngày 19/5/2023 sẽ trả nợ (do chị Trà tự viết tay nội dung thỏa thuận này).

Tuy nhiên sau đó vợ chồng anh N vẫn hứa hẹn nhiều lần nên anh T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh N, chị T1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vay gốc là 2.116.850.000 đồng và tính tiền lãi của số tiền vay 1.200.000.000 đồng với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày kế tiếp của ngày vay của từng khoản vay đến khi xét xử xong vụ án và đồng ý khấu trừ đối với số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định của pháp luật. Không tính tiền lãi của số tiền 916.850.000 đồng vì đây là tiền anh T cho mượn không tính lãi.

Bị đơn- anh N, chị T1 đã được Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ từ sau khi thụ lý vụ án, nhưng anh N, chị T1 vắng mặt không đến tòa để trình bày ý kiến cũng như không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Tam T đối với anh Thái Huỳnh N, chị Phan Thị Thanh T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Thái Huỳnh N, chị Phan Thị Thanh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Hoàng Tam T tổng số tiền 2.205.220.659 đồng gồm nợ gốc là 2.116.850.000 đồng và tiền lãi là 88.370.659 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/9/2024 Thái Huỳnh N và chị Phan Thị Thanh T1 làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm theo hướng chuyển vụ án về Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử, vì hiện nay anh chị đang sống ở thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn anh Thái Huỳnh N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Nguyên đơn ông Hoàng Tam T yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Du Thị B trình bày:

Anh N và chị T1 không có sinh sống tại thành phố C mà hiện tại anh chị đang sinh sống tại thành phố T, tỉnh Tây Ninh và theo giấy nhận nợ ngày 19/01/2023 cũng thể hiện anh N và chị T1 có nơi cư trú tại nhà số A, đường V, khu phố D, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

Việc anh N cho rằng vợ anh chị T1 không có nghĩa vụ liên đới trả nợ là không đúng vì theo giấy nhận nợ thì anh N và chị cùng ký tên vay tiền của anh T nên chị T1 phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho anh T. Việc anh N không thừa nhận khoản nợ 916.850.000 đồng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh N, chị T1 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Thái Huỳnh N và chị Phan Thị Thanh T1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của anh Thái Huỳnh N và chị Phan Thị Thanh T1 là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn chị Phan Thị Thanh T1 là người kháng cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T1 theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Thái Huỳnh N và Phan Thị Thanh T1 thấy rằng:

[2.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh T khởi kiện đối với anh N chị T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Nhưng do anh N, chị T1 cư trú tại khu phố D, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên việc anh N, chị T1 kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm để chuyển vụ án về Tòa án thành phố Cà Mau xét xử lại là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về hợp đồng vay và nghĩa vụ trả nợ:

Bị đơn anh N thừa nhận chỉ vay của anh T 02 lần số tiền là 1.200.000.000 đồng không thừa nhận khoản tiền nợ mượn 916.850.000 đồng, X thấy anh T có cho anh N, chị T1 vay tiền và có làm hợp đồng vay tiền được chia làm 03 lần với 3 hợp đồng vay khác nhau cụ thể: Ngày 23/9/2021 D vay 1.000.000.000 đồng; Ngày 12/12/2021 DL vay 200.000.000 đồng, Ngoài ra, anh T có cho vợ chồng anh N mượn thêm 02 lần tổng số tiền mượn là 916.850.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 19/01/2023 DL. Tổng cộng số tiền vay và tiền mượn là 2.116.850.000 đồng, có chữ ký người vay là anh N, chị T1 cùng ký tên nên có cơ sở xác định hợp đồng vay là có thật. Do đó, việc anh T khởi kiện yêu cầu anh N, chị T1 liên đới trả số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

Anh N cho rằng đã chuyển khoản nhiều lần để trả nợ cho anh T được 921.000.000 đồng, hiện còn nợ anh T khoản 300.000.000 đồng nhưng phía nguyên đơn anh T chỉ thừa nhận anh N có chuyển khoản được số tiền lãi là 594.000.000 đồng. Anh N không chứng minh được số tiền đã chuyển khoản

cho anh T là chuyển để trả lãi hay trả gốc khoản tiền vay nào. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh N đồng ý trả cho anh T số tiền còn nợ là 1.200.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả số tiền 916.850.000 đồng theo giấy nhận nợ mà anh chị đã ký là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi:

- Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng và 200.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3% là cao hơn lãi suất quy định nên cần phải tính lại và nguyên đơn xác định đã nhận lãi tổng cộng 594.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ lãi nên bản án sơ thẩm đã tính lại tiền lãi theo mức lãi suất 1.66%/tháng và khấu trừ tiền lãi đã nhận là có căn cứ.

Tổng số tiền lãi mà anh N, chị T1 phải trả cho anh T tính từ ngày vay đến ngày 16/8/2024 theo quy định của pháp luật là: 682.370.659 đồng. Tuy nhiên, do anh N, chị T1 đã trả cho anh T số tiền lãi 594.000.000 đồng nên anh N, chị T1 chỉ phải trả tiền lãi còn lại cho anh T là 682.370.659 đồng – 594.000.000 đồng = 88.370.659 đồng.

- Đối với khoản vay 916.850.000 đồng: Ghi nhận anh T không yêu cầu anh N, chị T1 trả tiền lãi đối với số tiền 916.850.000 đồng.

Xét thấy: Cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T đối với anh N, chị T1 và khấu trừ tiền lãi đã nhận là có căn cứ. Anh N và chị T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N và chị T1.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Hoàng Tam T là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh N và chị T1 không được chấp nhận nên anh N và chị T1 mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Thái Huỳnh N và chị Phan Thị Thanh T1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 469, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Tam T đối với anh Thái Huỳnh N, chị Phan Thị Thanh T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Thái Huỳnh N, chị Phan Thị Thanh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Hoàng Tam T tổng số tiền 2.205.220.659 đồng gồm nợ gốc là 2.116.850.000 đồng và tiền lãi là 88.370.659 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người bị thi hành án chưa trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Thái Huỳnh N, chị Phan Thị Thanh T1 phải liên đới chịu 76.104.413 đồng.

Anh Hoàng Tam T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh hoàn lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 41.668.400 đồng, theo Biên lai thu số 0002528 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh N và chị T1 mỗi người phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh N, chị T1 đã nộp mỗi người là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003268 ngày 24/9/2024 và biên lai thu số 0003270 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh N, chị T1 đã nộp xong án phí phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP HCM;
- VKSNDCC tại TP HCM;
- Phòng KTNV-THA, TAT;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- TAND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Giàu